

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ ĐÀ LẠT
TỈNH LÂM ĐỒNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: **33/2018/HNGĐ-ST**

Ngày: 15-6-2018.

“V/v Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ ĐÀ LẠT, TỈNH LÂM ĐỒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Lệ Quyên

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Dương Hải Long

Bà Nguyễn Thị Loan

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Hằng – Là Thư ký Toà án của Tòa án nhân dân thành phố Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng.

Ngày 15 tháng 6 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 260/2018/TLST-HNGĐ ngày 02 tháng 5 năm 2018 về việc “*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 33/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 04 tháng 6 năm 2018 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Hoàng Trần Như B; sinh năm 1990; cư trú tại: đường T, phường D, thành phố Đ, tỉnh Lâm Đồng; Chỗ ở: đường H, phường D, thành phố Đ, tỉnh Lâm Đồng. (*Có mặt*)

- *Bị đơn:* Anh Hoàng Đức T; sinh năm 1989; cư trú tại: đường T, phường D, thành phố Đ, tỉnh Lâm Đồng; Chỗ ở: đường H, phường D, thành phố Đ, tỉnh Lâm Đồng. (*Vắng mặt*)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 16/4/2018 và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Hoàng Trần Như B trình bày thì: Chị B và anh T kết hôn năm 2008, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường D, thành phố Đ, tỉnh Lâm Đồng theo giấy chứng nhận kết hôn số ..., quyền số .../08. Hôn nhân do hai bên tự nguyện, có tổ chức lễ cưới. Vợ chồng chung sống hoà thuận, hạnh phúc đến năm 2014 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do tính cách vợ chồng không hoà hợp, thường xuyên cãi vã, xúc phạm nhau và vợ chồng đã sống ly thân 04 năm nay, không còn quan tâm trách nhiệm gì với nhau nữa. Tình cảm vợ chồng đã rạn nứt, không thể khắc phục được mâu thuẫn. Chị B xác định vợ chồng không còn

tình cảm với nhau và không còn khả năng hàn gắn nên yêu cầu được ly hôn với anh T.

Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung là cháu Hoàng Gia B, sinh ngày 03/5/2008 và Hoàng Khánh A, sinh ngày 16/7/2012. Chị B yêu cầu được nuôi 02 con và không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: Chị B xác định không có.

Theo bản tự khai và lời trình bày của bị đơn anh Hoàng Đức T thì: anh T cũng thống nhất lời trình bày của chị B về thời điểm kết hôn, nơi đăng ký kết hôn và việc tự nguyện kết hôn giữa anh và chị B. Vợ chồng anh chung sống hoà thuận hạnh phúc đến năm 2014 thì phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân là do tính cách vợ chồng không hợp nhau nên thường xuyên cãi vã, xúc phạm nhau và đã sống ly thân từ cuối năm 2014 cho đến nay. Nay anh T xác định cũng không còn tình cảm với chị B nên cũng đồng ý ly hôn với chị B để trả tự do cho đôi bên.

Về con chung: Anh T xác định vợ chồng có 02 con chung như chị B trình bày. Hiện các con đang sống với mẹ. Ly hôn, anh T đồng ý giao 02 con cho chị B trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng và sẽ tự thực hiện trách nhiệm cấp dưỡng đối với con.

Về tài sản chung và nợ chung: Anh T cũng xác định không có.

Tòa án đã mở phiên họp tiếp cận, công khai chứng cứ và hoà giải, tuy nhiên anh T có đơn đề nghị vắng mặt nên Toà án không tiến hành hoà giải được.

Tại phiên tòa hôm nay, chị B xác định mâu thuẫn vợ chồng nguyên nhân chính là do anh T thường xuyên uống rượu về nhà gây gỗ, chửi bới, xúc phạm chị, đập phá đồ đạc trong nhà và không có trách nhiệm gì với vợ con nên vợ chồng thường xuyên cãi vã. Chị và gia đình cũng đã khuyên giải nhưng anh T vẫn không thay đổi và ra ngoài thuê nhà ở riêng. Trong thời gian ly thân thì vợ chồng cũng không gặp nhau và không quan tâm gì đến nhau nữa. Chị vẫn giữ nguyên yêu cầu ly hôn với anh T và yêu cầu được nuôi 02 con. Từ trước đến nay, một mình chị là người chăm sóc và lo cho hai con, thu nhập của chị trung bình 8.000.000 (Tám triệu) đồng/tháng, chị đủ khả năng nuôi hai con nên không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Xuất phát từ yêu cầu khởi kiện của chị B yêu cầu ly hôn anh T và yêu cầu nuôi con nên xác định quan hệ tranh chấp là “*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con*” theo qui định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự. Căn cứ điểm a khoản 1 điều 35, điểm a khoản 1 điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự xác định vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng.

[2] Về tố tụng: Bị đơn anh T có đơn đề nghị xét xử vắng mặt nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án vắng mặt anh T theo quy định tại khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Về hôn nhân: Chị Hoàng Trần Như B và anh Hoàng Đức T kết hôn do tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường D, thành phố Đ, tỉnh Lâm Đồng và được cấp giấy chứng nhận kết hôn nên quan hệ hôn nhân là hợp pháp. Vợ chồng chung sống hòa thuận đến năm 2014 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do tính cách vợ chồng không hợp nhau, theo trình bày của chị B thì do anh T thường xuyên uống rượu về nhà gây gỗ, chửi bới, đập phá đồ đạc trong nhà và không có trách nhiệm với vợ con. Chị B và anh T đều xác định vợ chồng thường xuyên xảy ra cãi vã, xúc phạm nhau. Tình cảm vợ chồng không còn nên chị B yêu cầu được ly hôn. Xét thấy, mâu thuẫn giữa chị B và anh T là có xảy ra và kéo dài, hai bên không khắc phục được, vợ chồng đã sống ly thân thời gian dài, hai bên không còn quan tâm, trách nhiệm gì với nhau nữa nên không còn khả năng hàn gắn, mục đích hôn nhân không đạt được. Anh T cũng đồng ý ly hôn nhưng vắng mặt tại phiên tòa nên Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình, chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị B.

[4] Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung là cháu Hoàng Gia B, sinh ngày 03/5/2008 và cháu Hoàng Khánh A, sinh ngày 16/7/2012. Chị B yêu cầu được nuôi cả 02 con, anh T đồng ý giao 02 con cho chị B nuôi dưỡng. Hiện 02 con đang ở với chị B, cháu B có nguyện vọng được ở với mẹ. Xuất phát từ lợi ích mọi mặt của 02 con, căn cứ vào Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình, giao 02 con cho chị B trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cho đến khi các con đủ tuổi thành niên.

[5] Về cấp dưỡng: Chị B xác định đủ khả năng nuôi 02 con, không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con nên không đề cập.

[6] Về tài sản chung và nợ chung: Hai bên xác định không có.

[7] Về án phí: Chị B phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147 và khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự;

- Áp dụng các Điều 56, 58, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình;

- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Cho chị Hoàng Trần Như B và anh Hoàng Đức T ly hôn.

2. Về nuôi con chung: Giao 02 con chung là cháu Hoàng Gia B, sinh ngày 03/5/2008 và cháu Hoàng Khánh A, sinh ngày 16/7/2012 cho chị Hoàng Trần Như B trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cho đến khi các con đủ tuổi thành niên.

Nghĩa vụ, quyền của cha, mẹ trực tiếp nuôi con, không trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn, thay đổi người trực tiếp nuôi con và thay đổi cấp dưỡng nuôi con sau khi ly hôn được thực hiện theo quy định của Luật hôn nhân và gia đình.

3. Về án phí: Chị Hoàng Trần Như B phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 300.000 đồng, được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí mà chị B đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số AA/2016/000.... ngày 02 tháng 5 năm 2018 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Đ, tỉnh Lâm Đồng.

4. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn được quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo là 15 ngày tính từ ngày nhận được bản án hoặc được thông đạt hợp lệ bản án.

5. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu yêu cầu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Lâm Đồng;
- VKSND TP Đ;
- Chi cục THADS TP Đ;
- UBND phường D, TP Đ;
- Các đương sự;
- Lưu HSVA, AV.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

(Đã ký và đóng dấu)

Lê Thị Lệ Quyên